

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **30/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 16-3-2023
V/v: “Ly hôn,
Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Đạt
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nga
Bà Đoàn Thị Mến

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng-Thư ký TAND huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Thanh-Kiểm sát viên.

Ngày 16-3-2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 398/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/11/2022 về “Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23/02/2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Huyền A, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ 1, ấp 2, xã 3, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; (Vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Văn Xuân B, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 1, ấp 2, xã 3, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Huyền A trình bày:

Về hôn nhân: Bà A và ông Trần Văn Xuân B tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2009, được UBND xã Phước Tân, huyện Xuyên Mộc cấp chứng nhận kết hôn số 99, ngày 24/8/2009; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức hỏi, cưới. Sau khi lấy nhau cả hai về chung sống tại Tổ 1, ấp 2, xã 3, huyện Xuyên Mộc;

Bà A và ông B chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2022 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do ông B thường xuyên ghen tuông vô cớ, không quan tâm cuộc sống của vợ chồng, đi làm giữ tiền tiêu riêng không chăm lo cho gia đình khiến vợ chồng xảy ra tranh cãi không thể tự hòa giải được và đã ly thân nhau từ tháng 6/2022 đến nay. Nhận thấy vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không có nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà A và ông B có 02 con chung tên Trần Hưng Th, sinh ngày 21/02/2011 và Trần Ngọc Phương Tr, sinh ngày 12/4/2021 hiện đang sống cùng bà A. Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Trần Văn Xuân B được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của BLTTDS. Tuy nhiên bị đơn vắng mặt tại phiên hòa giải là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Về yêu cầu của nguyên đơn thì thấy, hôn nhân giữa bà A và ông B là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A; bà A và ông B có 02 con chung tên Trần Hưng Th, sinh ngày 21/02/2011 và Trần Ngọc Phương Tr, sinh ngày 12/4/2021 hiện đang sống cùng bà A; bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ông B không có ý kiến phản bác, để bảo đảm sự ổn định và lợi ích mọi mặt của con chung nên cần chấp nhận. Bà A, ông B không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung nên không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Bà A yêu cầu ly hôn với ông B, yêu cầu giải quyết về con chung, ông B có hộ khẩu thường trú tại huyện Xuyên Mộc; căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, HĐXX xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “*Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Xuyên Mộc.

[2] Về người tham gia tố tụng: Bà A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông B được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Về hôn nhân: Bà A và ông B được Ủy ban nhân dân UBND xã Phước Tân, huyện Xuyên Mộc cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (BL 03), theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa bà A, ông B là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn: Bà A xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đến tháng 6/2022 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do ông B thường xuyên ghen tuông vô cớ, không quan tâm cuộc sống của vợ chồng, đi làm giữ tiền tiêu riêng không chăm lo cho gia đình khiến vợ chồng xảy ra tranh cãi không thể tự hòa giải được và đã ly thân nhau từ tháng 6/2022 đến nay. HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa bà A và ông B đã đến mức trầm trọng, vợ chồng tuy còn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông B.

[5] Về nuôi con chung và cấp dưỡng cho con: Bà A và ông B có 02 con chung là cháu Trần Hưng Th, sinh ngày 21/02/2011 và Trần Ngọc Phương Tr, sinh ngày 12/4/2021 hiện sống cùng bà A; bà A yêu cầu được nuôi cả 02 con, không yêu cầu ông B cấp dưỡng cho con.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật HN&GD thì “*vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con*” nhưng ông B không có mặt tại phiên tòa để thể hiện rõ quan điểm của mình về vấn đề này. Tuy bà A không có tài liệu chứng minh về thu nhập của mình nhưng từ khi vợ chồng ly thân, con chung được bà A chăm lo đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ. Do đó, để tránh việc xáo trộn về môi trường sống và để đảm bảo lợi ích mọi mặt của con chung, HĐXX giao

cả 02 con chung cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi lần lượt các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi phát sinh căn cứ pháp lý làm chấm dứt quyền và nghĩa vụ nuôi con. Ông B không phải cấp dưỡng cho con do bà A không có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Do bà A và ông B không yêu cầu nên HĐXX không xem xét quyết định.

[7] Về án phí: Đối với vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn.

[8] Về phát biểu của Kiểm sát viên: Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

[9] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự và Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định BLTTDS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Các Điều 19, 51, 56, 57, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 85, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

-Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 173, 177, 179, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Huyền A về “Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với ông Trần Văn Xuân B.

1.1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Huyền A được ly hôn với ông Trần Văn Xuân B.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng cho con: Bà Trần Thị Huyền A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hưng Th, sinh ngày 21/02/2011 và Trần Ngọc Phương Tr, sinh ngày 12/4/2021 cho đến khi lần lượt các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi phát sinh các căn cứ pháp lý làm chấm dứt quyền và nghĩa vụ nuôi con. Ông B không phải cấp dưỡng cho con do bà A không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn bà A, ông B đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà bà A và những người thân thích không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Huyền A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011488 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc. Bà A đã nộp đủ án phí.

- Ông Trần Văn Xuân B không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày; VKSND cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16-3-2023). Các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

4. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Chi Cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã Phước Tân, H.Xuyên Mộc
(CNKH số 99 ngày 24/8/2009);
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Đạt